

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Hướng dẫn phương pháp định giá và quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và vận hành khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ sử dụng nguồn kinh phí ngân sách trung ương

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số ... ngày ... tháng ... năm về việc quy định giá sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và vận hành khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ sử dụng nguồn kinh phí ngân sách trung ương;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính và Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn phương pháp định giá và quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và vận hành khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ sử dụng nguồn kinh phí ngân sách trung ương.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về phương pháp định giá và quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và vận hành khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc định giá và quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và vận hành khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Điều 2. Dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và vận hành khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ sử dụng nguồn kinh phí ngân sách trung ương

1. Dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (theo quy định về danh mục tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tại Điều 14 Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ) bao gồm các nhóm công việc:

a) Nhóm công việc có tính chất thường xuyên: Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và vận hành hệ thống ITS.

b) Nhóm công việc có tính chất tư vấn bao gồm: Kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; các công việc tư vấn lập dự án (hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật), thiết kế, lập dự toán, giám sát thi công, thẩm tra các công trình sửa chữa, tư vấn đấu thầu, tư vấn kiểm toán và dịch vụ sự nghiệp công có tính chất tư vấn khác trong công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

c) Nhóm công việc có tính chất sửa chữa bao gồm: Sửa chữa kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ bao gồm sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất (bao gồm cả xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông) theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, pháp luật về đường bộ.

d) Nhóm công việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai đảm bảo an toàn và chất lượng của kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Dịch vụ sự nghiệp công vận hành, khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ sử dụng nguồn kinh phí ngân sách trung ương bao gồm các nhóm công việc:

a) Nhóm công việc có tính chất thường xuyên: Quản lý, vận hành khai thác bến phà đường bộ (trừ các công việc quản lý, điều hành đảm bảo giao thông bến phà trong thời gian dừng hoạt động được tính vào công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ).

b) Nhóm công việc có tính chất không thường xuyên như bổ sung thay thế phương tiện, trang thiết bị; sửa chữa: Sửa chữa định kỳ, đột xuất, mua sắm các phương tiện, trang thiết bị phục vụ quản lý, vận hành và khai thác bến phà đường bộ (không bao gồm tài sản các công trình phụ trợ là kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ).

Điều 3. Nguyên tắc xác định giá

Giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và vận hành khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ sử dụng nguồn kinh phí ngân sách trung ương (sau đây viết tắt là dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực đường bộ) được xác định đảm bảo:

1. Bù đắp chi phí thực tế hợp lý, hợp lệ để hoàn thành một đơn vị khối lượng dịch vụ sự nghiệp công phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, bảo trì đường bộ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và trạng thái kỹ thuật của từng công trình, hoặc từng hạng mục công việc cụ thể.

2. Việc xác định giá dịch vụ sự nghiệp công phải theo các quy định của pháp luật về giá, pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và các pháp luật khác có liên quan.

3. Phù hợp với mặt bằng giá, tình hình thị trường nơi thực hiện dịch vụ sự nghiệp công tại thời điểm xác định giá và khối lượng, chất lượng dịch vụ.

4. Giá dịch vụ sự nghiệp công được xác định bằng dự toán quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, vận hành khai thác bến phà đường bộ: Là toàn bộ chi phí cần thiết được xác định theo yêu cầu các công việc cần phải thực hiện phù hợp với quy trình, tiêu chuẩn quản lý, bảo trì hoặc quy trình vận hành khai thác bến phà đường bộ được duyệt.

5. Giá dịch vụ sự nghiệp công được xác định trên cơ sở hiện trạng công trình, được lập định kỳ hàng năm (đối với nhóm công việc có tính chất thường xuyên) hoặc định kỳ theo giai đoạn (đối với nhóm công việc có tính chất sửa chữa) cho từng nội dung công việc thực hiện hoặc theo tính chất công việc.

6. Không tính trong giá dịch vụ sự nghiệp công các khoản chi phí đã được ngân sách Nhà nước đảm bảo.

7. Đối với công tác khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ theo thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về phòng, chống thiên tai trong lĩnh vực đường bộ và văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT (nếu có).

8. Trong trường hợp theo quy định của pháp luật phải phát sinh các chi phí liên quan khác như: tư vấn lập dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn khác liên quan; thẩm tra, thẩm định; đảm bảo an toàn giao thông phục vụ công tác thi công sửa chữa công trình; kiểm toán, quyết toán hoặc các chi phí khác thì các chi phí này được tính riêng cho từng nhiệm vụ cụ thể trên cơ sở căn cứ vào quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.

9. Chi phí quản lý đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công (nếu có):

a) Chi phí quản lý đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công (nếu có) là chi phí cho công tác quản lý của đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công.

Đối với chi phí quản lý đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công cho công tác sửa chữa định kỳ, đột xuất công trình kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật về xây dựng được xác định theo định mức chi phí quản lý dự án do Bộ Xây dựng quy định đối với dự án đầu tư xây dựng công trình.

Đối với chi phí quản lý đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo dưỡng thường xuyên là chi phí để quản lý, giám sát, nghiệm thu kết quả thực hiện dịch vụ quản lý, bảo dưỡng thường xuyên theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và các công việc liên quan khác được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) của giá dịch vụ sự nghiệp công để đặt hàng. Tỷ lệ phần trăm (%) này được vận dụng theo định mức chi phí giám sát thi công do Bộ Xây dựng quy định đối với dự án đầu tư xây dựng công trình.

b) Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công chỉ được sử dụng chi phí này khi không được ngân sách nhà nước đảm bảo hoạt động cho việc thực hiện dịch vụ công.

10. Trường hợp đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực đường bộ, các chi phí tư vấn, chi phí quản lý và các chi phí khác có liên quan thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng và pháp luật về đấu thầu.

Giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì đối với công tác sửa chữa, tư vấn được xác định theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Phương pháp xác định giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực đường bộ

Giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực đường bộ được xác định theo các phương pháp sau đây:

1. Định mức chi phí theo tỷ lệ phần trăm (%).
2. Khối lượng và đơn giá, trong đó gồm: khối lượng công việc thực hiện theo kế hoạch bảo trì và đơn giá bảo trì; khối lượng, số lượng chuyên gia được xác định theo yêu cầu cụ thể của từng loại công việc, nội dung, tiến độ thực hiện công việc, trình độ chuyên môn của từng chuyên gia, đơn giá tiền lương phù hợp với từng chuyên gia và các chi phí cần thiết khác có liên quan.
3. Kết hợp các phương pháp nêu trên.

Chương II

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG QUẢN LÝ, BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 5. Giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công đối với nhóm công việc có tính chất thường xuyên

1. Giá dịch vụ sự nghiệp công có tính chất thường xuyên được xác định theo nguyên tắc và phương pháp quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư này, cụ thể:

a) Phần trực tiếp của giá dịch vụ sự nghiệp công được xác định bằng khối lượng, số lượng công việc cần thực hiện phù hợp kế hoạch bảo trì được duyệt, tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên và các tiêu chuẩn khác có liên quan, quy trình quản lý bảo trì được duyệt, định mức bảo dưỡng thường xuyên do Bộ Giao thông vận tải ban hành, đơn giá chi tiết của các công việc cụ thể, quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

b) Các chi phí gián tiếp, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng được xác định bằng định mức chi phí tỷ lệ phần trăm (%) theo hướng dẫn tại biểu số 01, Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

c) Giá dịch vụ sự nghiệp công được xác định qua việc lập, thẩm tra (nếu có), thẩm định, phê duyệt dự toán theo quy định của Nghị định số 68/2019/NĐ-CP và các quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này.

2. Trường hợp các Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông - Xây dựng quản lý quốc lộ ủy quyền hoặc cơ quan, đơn vị được giao tổ chức lập giá và quản lý dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, nhưng chưa được ngân sách nhà nước bảo đảm cho các công việc liên quan đến hoạt động này thì được tính các chi phí sau:

- a) Tổ chức thực hiện lập giá dịch vụ;
- b) Tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng;
- c) Quản lý, giám sát chất lượng, nghiệm thu kết quả thực hiện dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo dưỡng thường xuyên;

d) Cơ quan, đơn vị tại khoản 3 Điều 11 tổ chức lập, trình cơ quan có thẩm quyền duyệt dự toán chi phí cho việc thực hiện các công việc tại các điểm a, b và c khoản này và quản lý, sử dụng theo quy định. Trường hợp thuê tư vấn thực hiện thì sử dụng chi phí tại khoản này để chi trả cho tư vấn.

3. Giá dịch vụ sự nghiệp công đối với nhóm công việc quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có kết cấu và phương pháp xác định theo hướng dẫn tại biểu số 01, Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Giá dịch vụ sự nghiệp công đối với nhóm công việc có tính chất tư vấn

1. Giá dịch vụ sự nghiệp công có tính chất tư vấn để thực hiện sửa chữa công trình, thiết bị từ 500 triệu đồng trở lên theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 39 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP của Chính phủ bao gồm lập dự án (hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật), thiết kế, lập dự toán, giám sát thi công, thẩm tra các công trình sửa chữa, tư vấn đấu thầu, tư vấn kiểm toán và dịch vụ sự nghiệp công có tính chất tư vấn khác được xác định theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

2. Đối với giá dịch vụ sự nghiệp công tư vấn khảo sát xây dựng được xác định theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Phụ lục số 9 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

3. Giá dịch vụ sự nghiệp công đối với nhóm công việc có tính chất tư vấn khác gồm (Kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các công việc tư vấn khác) chưa có định mức chi phí tỷ lệ phần trăm (%) thì được xác định theo nguyên tắc và các phương pháp theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư này; có kết cấu và phương pháp xác định theo hướng dẫn tại biểu số 02, Phụ lục I kèm theo Thông tư này trên cơ sở khối lượng thực hiện theo đề cương được duyệt và định mức kinh tế - kỹ thuật của từng công việc.

Điều 7. Giá dịch vụ sự nghiệp công đối với nhóm công việc có tính chất sửa chữa

1. Giá dịch vụ sự nghiệp công đối với nhóm công việc có tính chất sửa chữa được xác định theo nguyên tắc và phương pháp quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư này, quy định tại khoản 4 Điều 39 và khoản 3 Điều 42 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, cụ thể:

a) Đối với dự toán bảo trì trực tiếp trong giá dịch vụ sự nghiệp công được xác định bằng khối lượng công việc theo thiết kế, dự án được duyệt trong phạm vi kế hoạch bảo trì được duyệt, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá chi tiết của các công việc cụ thể, quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

b) Đối với chi phí bảo trì gián tiếp, các chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn và chi phí khác được xác định theo định mức chi phí do Bộ Xây dựng hướng dẫn hoặc bằng phương pháp lập dự toán, hoặc phương pháp kết hợp;

2. Giá dịch vụ sự nghiệp công sửa chữa đột xuất bước 1 để khắc phục thiên tai gây ra đối với kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

3. Việc xác định giá, đơn giá tư vấn để thực hiện dịch vụ công sửa chữa kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 6 Thông tư này.

4. Đối với công tác quản lý dự án sửa chữa, mua bảo hiểm xây dựng các công việc cần thiết khác liên quan đến việc thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sửa chữa kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được xác định theo các quy định của Nghị định số 68/2019/NĐ-CP, hướng dẫn của Bộ Xây dựng, quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Điều 3, Điều 4 Thông tư này.

5. Giá dịch vụ sự nghiệp công nhóm công việc có tính chất sửa chữa có kết cấu và phương pháp xác định theo hướng dẫn tại biểu số 03, Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Giá dịch vụ sự nghiệp công đối với nhóm công việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai

1. Giá dịch vụ sự nghiệp công đối với nhóm công việc phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai được xác định cụ thể theo từng loại công việc:

a) Công việc khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 theo quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ.

b) Công việc trông coi, bảo quản thiết bị, vật tư dự phòng;

c) Sửa chữa nhà kho bảo quản vật tư dự phòng, mua sắm thiết bị, vật tư dự phòng.

d) Công việc khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 2 theo quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ.

2. Giá dịch vụ sự nghiệp nhóm công việc khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 tại điểm a khoản 1 Điều này được xác định trên cơ sở hồ sơ hoàn thành công trình, nguyên tắc và phương pháp xác định theo hướng dẫn tại Điều 3, Điều 4 và biểu số 04, Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

Đối với dịch vụ khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 có tính chất đơn giản như hút dọn vật cản, thu gom cây đổ, cột điện, đất, đá sứt, lở,

trôi tràn ra mặt đường, rãnh, cống; vận chuyển đồ đi; khôi phục hệ thống báo hiệu đường bộ: không được tính các chi phí nhà tạm, chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn.

3. Giá dịch vụ sự nghiệp công để thực hiện công việc tại điểm b khoản 1 Điều này có nguyên tắc và phương pháp xác định theo hướng dẫn tại Điều 5 và biểu số 01, Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

4. Giá dịch vụ sự nghiệp công để thực hiện công việc tại điểm c và d khoản 1 Điều này có nguyên tắc và phương pháp xác định theo hướng dẫn tại Điều 7 và biểu số 03, Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

Chương III

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG VẬN HÀNH KHAI THÁC BẾN PHÀ ĐƯỜNG BỘ TRÊN QUỐC LỘ

Điều 9. Giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công đối với nhóm công việc có tính chất thường xuyên

Giá dịch vụ sự nghiệp công nhóm công việc có tính chất thường xuyên vận hành khai thác bến phà đường bộ được xác định theo nguyên tắc quy định tại Điều 3 Thông tư này và bao gồm:

1. Chi phí vận hành, khai thác bến phà và công tác điều hành hoạt động ở hai đầu bến được xác định theo hướng dẫn tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

2. Đối với chi phí quản lý, điều hành đảm bảo giao thông trong thời gian bến phà dừng hoạt động do yếu tố bất khả kháng, **quyết định tạm dừng phà của cấp có thẩm quyền** do thời tiết bất lợi, ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn chạy phà hoặc khi mức nước lòng sông (hồ) xuống thấp, không đủ khoảng cách an toàn giữa đáy phà và cao độ đáy sông (hồ) bao gồm cả phần bị bồi lấp hoặc yếu tố bất khả kháng khác, (gọi tắt là *chi phí quản lý, điều hành đảm bảo giao thông trong thời gian bến phà tạm dừng hoạt động*) được xác định theo hướng dẫn tại **Điều 5 Thông tư này**.

Điều 10. Giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công đối với nhóm công việc có tính chất sửa chữa

Đối với các chi phí sửa chữa định kỳ, mua sắm, bổ sung phương tiện, trang thiết bị, sửa chữa phà, ca nô, tàu kéo, phương tiện vượt sông, phương tiện cứu hộ khác phải được lập dự án (hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật), thì thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ủy quyền Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam phê duyệt giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì đường bộ thực hiện **theo phương thức đặt hàng**, thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành về giá.

Đối với giá dịch vụ vận hành khai thác bến phà đường bộ trước khi phê duyệt phải báo cáo và có ý kiến của Bộ Giao thông vận tải.

2. Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam thực hiện trách nhiệm của người có thẩm quyền tổ chức thẩm định, phê duyệt giá theo phân cấp, ủy quyền; chỉ đạo Cục Quản lý đường bộ, Ban Quản lý dự án trực thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải hoặc Sở Giao thông - Xây dựng đối với quốc lộ do Bộ Giao thông vận tải ủy quyền cho địa phương quản lý, bảo trì (sau đây gọi tắt là Sở Giao thông vận tải) tổ chức lập giá, báo cáo tổng hợp về hồ sơ lập giá; trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt;

Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, định giá dịch vụ sự nghiệp công thực hiện theo quy định của Luật giá và các quy định pháp luật liên quan về quản lý giá hiện hành.

3. Cơ quan, đơn vị được giao dự toán chi ngân sách nhà nước có trách nhiệm lập, thẩm định và trình người có thẩm quyền phê duyệt giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực đường bộ; thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Điều chỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và vận hành khai thác bến phà đường bộ trên quốc lộ

Giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực đường bộ được điều chỉnh theo quy định của pháp luật về giá, pháp luật về đấu thầu, pháp luật xây dựng và Điều 15 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Điều 13. Kiểm tra tình hình thực hiện các quy định về quản lý giá

1. Việc kiểm tra chấp hành các quy định về quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực đường bộ thực hiện theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại Thông tư này, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền xử phạt cụ thể, trình tự, thủ tục xử phạt thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 14. Quy định chuyển tiếp

Từ ngày 01 tháng 6 năm 2019 đến khi Thông tư có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo Thông tư liên tịch số 75/2011/TTLT-BGTVT-BTC ngày 6 tháng

6 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp định giá và quản lý giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường thủy bộ thực hiện theo phương thức Nhà nước đặt hàng sử dụng nguồn ngân sách trung ương và Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020, thay thế các quy định hướng dẫn về lập và quản lý giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường bộ thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước tại Thông tư liên tịch số 75/TTLT-BTC-BGTVT ngày 06 tháng 06 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn lập và quản lý giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường bộ, đường thủy nội địa thực hiện theo phương thức đặt hàng, giao kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Tổng cục Đường bộ Việt Nam tổng hợp báo cáo Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc Chính phủ;
- Bộ GTVT (các Thứ trưởng);
- UBND, Sở GTVT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo GT, Tạp chí GTVT;
- Lưu VT, TC (Khang).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thế

Phụ lục I
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG QUẢN LÝ,
BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TRÊN HỆ
THỐNG QUỐC LỘ SỬ DỤNG NGUỒN KINH PHÍ
NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020 /TT-BGTVT ngày tháng năm
 2020 của Bộ Giao thông vận tải)

Biểu số 01
XÁC ĐỊNH GIÁ SẢN PHẨM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG NHÓM CÔNG
VIỆC CÓ TÍNH CHẤT THƯỜNG XUYÊN

I. Kết cấu giá dịch vụ sự nghiệp công nhóm công việc có tính chất thường xuyên được xác định tại bảng sau:

TT	Nội dung	Cách tính	Ký hiệu
A	Giá dịch vụ sự nghiệp công để đặt hàng, đấu thầu		
I	Chi phí trực tiếp	$VL+NC+M$	T
1	Chi phí nguyên, vật liệu, năng lượng	$\sum_{i=1}^n Q_j \times D^{VL}_j$	VL
2	Chi phí nhân công	$\sum_{i=1}^n Q_j \times D_j^{nc} \times K_{nc}$	NC
3	Chi phí máy, thiết bị, phương tiện	$\sum_{i=1}^n Q_j \times D_j^m \times K_m$	M
II	Chi phí gián tiếp	$C+LT+GTk$	GT
1	Chi phí chung	NC x tỷ lệ %	C
2	Chi phí nhà tạm và điều hành thực hiện dịch vụ: Chi phí này được xác định theo 2 trường hợp: + Đã có nhà Hạng; + Chưa có nhà Hạng.	T x tỷ lệ	LT
3	Chi phí gián tiếp khác (đảm bảo ATGT)		GTk
III	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(T+GT) \times 6 \%$	TL
	Chi phí xây dựng trước thuế	$(T+GT+TL)$	G_{TT}

IV	Thuế giá trị gia tăng	$G_{TT} \times TGTGT$	VAT
	Giá sản phẩm, dịch vụ công ích sau thuế	$Gst = G_{TT} + VAT$	Gst
B	Các chi phí khác		
1	Chi phí khảo sát, lập giá	Được xác định bằng định mức chi phí hoặc lập dự toán	Các chi phí này chỉ được tính trong trường hợp các cơ quan thực hiện là các Sở GTVT quản lý quốc lộ ủy quyền chưa được ngân sách trung ương đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ này.
2	Chi phí để tổ chức thực hiện các công việc lựa chọn nhà thầu	Được xác định bằng định mức chi phí	
3	Chi phí để thực hiện các công việc quản lý, giám sát, nghiệm thu nhà thầu thực hiện dịch vụ	Được xác định bằng định mức chi phí	
C	Tổng chi phí	A+B	

II. Cách xác định giá dịch vụ sự nghiệp công: Giá dịch vụ sự nghiệp công gồm chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng và được quy định cụ thể như sau:

1. Chi phí trực tiếp: Chi phí trực tiếp gồm chi phí vật liệu (kể cả vật liệu do chủ đầu tư cấp), chi phí nhân công, chi phí máy và thiết bị thi công. Chi phí vật liệu, máy và thiết bị thi công được xác định theo cơ sở khối lượng và đơn giá xây dựng chi tiết của công trình được xác định theo các công thức tại mục I biểu này, trong đó:

- Qj là khối lượng công tác xây dựng thứ j;

- Djvl, Djnc, Djm là chi phí vật liệu, nhân công, máy và thiết bị thi công trong đơn giá xây dựng chi tiết của công trình đối với công tác xây dựng thứ j.

- Knc: hệ số nhân công làm đêm (nếu có) và được xác định như sau:

$Knc = 1 + \text{tỷ lệ khối lượng công việc phải làm đêm} \times 30\%$ (đơn giá nhân công của công việc làm việc vào ban đêm).

- Km: hệ số máy thi công làm đêm (nếu có) và được xác định như sau:

$$Km = 1 - g + g \times Knc$$

Trong đó: g là tỷ lệ tiền lương bình quân trong giá ca máy.

Khối lượng công việc phải làm thêm được xác định theo yêu cầu tiến độ thực hiện dịch vụ sự nghiệp công và được chủ đầu tư thống nhất.

2. Chi phí chung (C)

2.1. Chi phí chung gồm

- Chi phí quản lý tại doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, là chi phí quản lý của doanh nghiệp phân bổ cho việc tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công, gồm các chi phí: lương cho bộ máy điều hành tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; lương cho người lao động; chi trả trợ cấp mất việc; chi phí đóng bảo hiểm cho người lao động theo quy định; chi phí phúc lợi; chi phí bảo trì văn phòng và các phương tiện; chi phí tiện ích văn phòng; chi phí thông tin liên lạc và giao thông đi lại; chi phí sử dụng tiện ích điện, nước; chi phí nghiên cứu và phát triển; chi phí quảng cáo; chi phí xã hội; chi phí tặng, biếu, từ thiện; chi phí thuê đất, văn phòng; chi phí khấu hao (*tài sản phục vụ quản lý của doanh nghiệp được phân bổ vào giá sản phẩm, dịch vụ*); khấu hao chi phí nghiên cứu thử nghiệm; khấu hao chi phí phát triển; thuế, lệ phí, phí theo quy định; bảo hiểm tổn thất; chi phí bảo đảm hợp đồng; các chi phí khác.

- Chi phí điều hành sản xuất tại công trường là toàn bộ chi phí cho bộ máy quản lý của doanh nghiệp để tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, gồm các chi phí: chi phí quản lý lao động; điện nước tại công trường, chi phí huấn luyện an toàn; lương và phụ cấp cho người lao động bao gồm lương và các loại phụ cấp cho cán bộ, nhân viên tại văn phòng hiện trường; v.v...

- Chi phí bảo hiểm của người lao động trực tiếp mà người sử dụng lao động phải nộp cho Nhà nước theo quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp).

2.2. Chi phí chung được xác định bằng định mức tỷ lệ (%) chi phí chung nhân với chi phí nhân công trong giá dịch vụ sự nghiệp công theo hướng dẫn tại Bảng 1.1.

Bảng 1.1: ĐỊNH MỨC CHI PHÍ CHUNG TÍNH TRÊN CHI PHÍ NHÂN CÔNG

Đơn vị tính: %

TT	Loại công tác	Chi phí nhân công trong giá dịch vụ công quản lý bảo dưỡng trước thuế (tỷ đồng)		
		≤ 15	≤ 100	> 100
1	Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ	66	60	56

- Trường hợp quy mô chi phí trực tiếp nằm trong khoảng quy mô chi phí tại Bảng 2.1 thì định mức tỷ lệ chi phí chung (Kc) được xác định bằng phương pháp nội suy theo công thức sau:

$$Kc = Kb - \frac{Kb - Ka}{Ga - Gb} x(Gt - Gb)$$

Trong đó:

- + Gt: chi phí trực tiếp trong dự toán đang cần xác định;
- + Ga: giá trị chi phí trực tiếp cận trên giá trị cần tính định mức;
- + Gb: giá trị chi phí trực tiếp cận dưới giá trị cần tính định mức;
- + Ka: Định mức tỷ lệ chi phí chung tương ứng với Ga;
- + Kb: Định mức tỷ lệ chi phí chung tương ứng với Gb.

2.3. Đối với các công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tại vùng núi, biên giới, hải đảo thì định mức tỷ lệ chi phí chung sẽ được điều chỉnh với hệ số từ 1,05 đến 1,1 do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định giá quyết định tùy điều kiện cụ thể của dịch vụ công.

2.4. Định mức tỷ lệ % của chi phí chung tại điểm 2.2 và hệ số điều chỉnh tại điểm 2.3 mục này là mức tối đa.

Trường hợp đơn giá nhân công trong chi phí trực tiếp được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH thì không tính chi phí bảo hiểm của người lao động trực tiếp mà người sử dụng lao động phải nộp cho Nhà nước.

3. Chi phí nhà tạm, điều hành thực hiện dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

3.1. Trường hợp trên tuyến đã có nhà Hạng để phục vụ dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo dưỡng thường xuyên thì chi phí này dùng để phục vụ công tác bảo trì định kỳ nhà Hạng hàng năm và chi phí này được xác định như sau:

Đơn vị tính: %

<i>Stt</i>	<i>Loại công trình</i>	<i>Định mức (t)</i>
<i>1</i>	Công trình nhà hạm	0,08 ÷ 0,1

a) *Cách xác định:* Chi phí này được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) theo bảng trên nhân với chi phí xây dựng tính theo suất vốn đầu tư của công trình cùng loại và cùng cấp với nhà Hạm tại thời điểm lập giá dịch vụ sự nghiệp công như sau:

$$C_{BTHN} = t \times C_{XD}$$

Trong đó:

C_{BTHN} : Chi phí bảo trì định kỳ hàng năm của đối tượng công trình cần bảo trì.

t: tỷ lệ phần trăm (%) được xác định theo bảng trên.

C_{XD} : Chi phí xây dựng của công trình nhà Hạm được tính theo suất vốn đầu tư của công trình cùng loại và cùng cấp tại thời điểm lập giá dịch vụ sự nghiệp công.

b) Cục Quản lý đường bộ, Ban Quản lý dự án trực thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải hoặc Sở Giao thông - Xây dựng đối với quốc lộ do Bộ Giao thông vận tải ủy quyền cho địa phương quản lý, bảo trì xác

định mức tỷ lệ phần trăm (%) trong phạm vi tỷ lệ nêu trên căn cứ vào các điều kiện cụ thể về quản lý, khai thác, tuổi thọ, loại, cấp nhà Hạng. Trường hợp chi phí thực hiện các công việc bảo trì định kỳ nhà Hạng hàng năm được xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) như bảng trên chưa phù hợp với thực tế thực hiện công tác bảo trì thì chủ sở hữu trực tiếp quản lý, sử dụng nhà hạt hoặc người quản lý, sử dụng nhà hạt (trường hợp được chủ sở hữu công trình ủy quyền quản lý, sử dụng) báo cáo người có thẩm quyền điều chỉnh định mức tỷ lệ làm cơ sở xác định chi phí thực hiện các công việc bảo trì định kỳ nhà Hạng hàng năm.

b) Đơn vị thực hiện dịch vụ quản lý bảo dưỡng thường xuyên sử dụng nhà hạt làm nhà tạm và điều hành thi công, chi phí này được sử dụng để quản lý, bảo trì nhà hạt.

3.2. Trường hợp trên tuyến chưa có nhà Hạng để phục vụ để phục vụ dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, chi phí này được xác định như sau:

a) Chi phí nhà tạm, điều hành thực hiện dịch vụ sự nghiệp công được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên chi phí trực tiếp. Định mức tỷ lệ (%) chi phí nhà tạm, điều hành thực hiện dịch vụ sự nghiệp công được xác định trên chi phí trực tiếp trong giá dịch vụ sự nghiệp công theo hướng dẫn tại Bảng 1.2 biểu này.

Bảng 1.2: ĐỊNH MỨC CHI PHÍ NHÀ TẠM VÀ ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

Đơn vị tính: %

TT	Loại công trình	Chi phí trực tiếp trong giá dịch vụ sự nghiệp công (tỷ đồng)				
		≤ 15	≤100	≤500	≤1000	>1000
1	Gói thầu, đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ	1,2	1,1	1,0	0,95	0,9

b) Đơn vị thực hiện dịch vụ quản lý bảo dưỡng thường xuyên được sử dụng kinh phí này để thuê nhà tạm và điều hành thực hiện dịch vụ.

4. Chi phí gián tiếp khác:

Trong trường hợp cần thiết, cần phải có chi phí để tổ chức đảm bảo giao thông như công tác bảo dưỡng thường xuyên trên đường cao tốc, chi phí này được xác định bằng phương pháp lập dự toán theo quy định của pháp luật về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

5. Thu nhập chịu thuế tính trước

Thu nhập chịu thuế tính trước được xây dựng bảo đảm giá sản phẩm, dịch vụ công ích phù hợp với mặt bằng thị trường, trong phạm vi dự toán được giao và tối đa bằng 6% tổng chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp trong bảng kết cấu dự toán tại mục I biểu này.

6. Thuế suất thuế giá trị gia tăng: Thực hiện theo quy định hiện hành.

III. Cách xác định các chi phí khác

1. Chi phí để thực hiện các công việc quản lý, giám sát, nghiệm thu nhà thầu thực hiện dịch vụ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; thực hiện công tác tuần kiểm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải tại Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT và các công việc cần thiết khác. Chi phí này xác định theo định mức chi phí tư vấn giám sát thi công xây dựng do Bộ Xây dựng quy định.

2. Chi phí cho thông báo mời, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và các công việc khác liên quan đến lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công này được xác định và quản lý theo quy định của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; pháp luật về xây dựng.

3. Chi phí lập giá gồm chi phí tư vấn khảo sát tình trạng công trình và các dữ liệu cần thiết để lập giá xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này; chi phí lập giá sản phẩm dịch vụ công được xác định bằng với chi phí của công tác lập dự toán xây dựng công trình trong bước thiết kế kỹ thuật quy định tại Khoản 4 mục II Phụ lục II Thông tư 16/2019/TT-BXD.

4. Các chi phí này chỉ được tính trong trường hợp các cơ quan thực hiện là các Sở GTVT quản lý quốc lộ ủy quyền, chưa được ngân sách trung ương đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ này.

Biểu số 02

XÁC ĐỊNH GIÁ SẢN PHẨM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG NHÓM CÔNG VIỆC CÓ TÍNH CHẤT TƯ VẤN CHƯA CÓ ĐỊNH MỨC CHI PHÍ TỶ LỆ %

(Theo Khoản 3 Điều 6 Thông tư này)

I. Giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công có tính chất tư vấn được xác định trên cơ sở số lượng, khối lượng công việc được xác định theo đề cương nhiệm vụ được duyệt, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình quản lý bảo trì được duyệt (nếu có), định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá chi tiết của từng công việc cụ thể.

II. Phương pháp xác định:

Dự toán chi phí tư vấn gồm các khoản chi phí: Chi phí chuyên gia (C_{cg}); Chi phí quản lý (C_{ql}); Chi phí khác (C_k); Thu nhập chịu thuế tính trước (TN); Thuế giá trị gia tăng (VAT) và chi phí dự phòng (C_{dp}). Các khoản chi phí được xác định cụ thể như sau:

1. Chi phí chuyên gia (C_{cg}): xác định theo số lượng chuyên gia, thời gian làm việc của chuyên gia (số lượng tháng - người, ngày - người hoặc giờ - người) và tiền lương của chuyên gia tư vấn.

a) Số lượng chuyên gia, thời gian làm việc của chuyên gia (gồm các kỹ sư, kiến trúc sư, chuyên gia, kỹ thuật viên...) được xác định theo yêu cầu cụ thể về nội dung, khối lượng công việc, tiến độ thực hiện của từng loại công việc tư vấn, yêu cầu về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm của từng loại chuyên gia tư vấn... Việc dự kiến số lượng, loại chuyên gia và thời gian thực hiện của từng chuyên gia phải được thể hiện trong đề cương, phương án thực hiện công việc tư vấn. Đề cương, phương án thực hiện công việc tư vấn phải phù hợp với phạm vi công việc, khối lượng công việc, nội dung, tiến độ thực hiện của công việc tư vấn cần lập dự toán.

b) Tiền lương chuyên gia tư vấn được xác định trên cơ sở đơn giá nhân công tư vấn xây dựng do Bộ Xây dựng hướng dẫn.

2. Chi phí quản lý (C_{ql}): bao gồm các chi phí liên quan đến hoạt động quản lý của tổ chức tư vấn gồm: Tiền lương của bộ phận quản lý, chi phí duy trì hoạt động của tổ chức tư vấn, chi phí văn phòng làm việc, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp... Chi phí quản lý xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) của chi phí chuyên gia, cụ thể như sau:

Chi phí chuyên gia (tỷ đồng)	< 1	1 ÷ <5	≥ 5
Chi phí quản lý (tỷ lệ %)	55	50	45

3. Chi phí khác (C_k): bao gồm chi phí văn phòng phẩm; chi phí khấu hao thiết bị; phân bổ chi phí mua phần mềm ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến, áp dụng hệ thống thông tin công trình (nếu có); chi phí hội nghị, hội thảo và các

khoản chi phí khác (nếu có). Các khoản chi phí này xác định trên cơ sở dự kiến nhu cầu cần thiết của từng loại công việc tư vấn.

4. Thu nhập chịu thuế tính trước (TN): để dự tính khoản chi phí đảm bảo sự phát triển của nhà thầu tư vấn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Thu nhập chịu thuế tính trước xác định bằng 6% của (Chi phí chuyên gia + Chi phí quản lý).

5. Thuế giá trị gia tăng (VAT): được xác định theo quy định đối với từng loại công việc tư vấn.

6. Chi phí dự phòng (C_{dp}): để dự tính chi phí cho những công việc phát sinh trong quá trình thực hiện công việc tư vấn. Chi phí dự phòng xác định tối đa không quá 10% tổng của các khoản chi phí nêu trên.

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ TƯ VẤN

TT	Khoản mục chi phí	Diễn giải	Giá trị (đồng)	Ký hiệu
1	Chi phí chuyên gia			C_{cg}
2	Chi phí quản lý	Xác định theo tỷ lệ % chi phí chuyên gia tại mục 2		C_{ql}
3	Chi phí khác			C_k
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	$6\% \times (C_{cg} + C_{ql})$		TN
5	Thuế giá trị gia tăng	$\% \times (C_{cg} + C_{ql} + TN + C_k)$		VAT
6	Chi phí dự phòng	$\% \times (C_{cg} + C_{ql} + C_k + TN + VAT)$		C_{dp}
	Tổng cộng:	$C_{cg} + C_{ql} + C_k + TN + VAT + C_{dp}$		C_{tv}

Biểu số 03
XÁC ĐỊNH GIÁ SẢN PHẨM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG NHÓM CÔNG
VIỆC CÓ TÍNH CHẤT SỬA CHỮA

I. Kết cấu giá dịch vụ sự nghiệp công nhóm công việc có tính chất sửa chữa được xác định tại bảng sau:

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
A	Giá dịch vụ sự nghiệp công có tính chất sửa chữa			
I	Chi phí trực tiếp	$VL+NC+M$		T
1	Chi phí vật liệu			VL
2	Chi phí nhân công			NC
3	Chi phí máy và thiết bị thi công			M
II	Chi phí gián tiếp	$C + LT + TT + GT_k$		GT
1	Chi phí chung	T x tỷ lệ		c
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	T x tỷ lệ		LT
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	T x tỷ lệ		TT
4	Chi phí gián tiếp khác	Dự toán		GT_k
III	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(T+GT) \times \text{tỷ lệ}$		TL
	<i>Chi phí sửa chữa trước thuế</i>	$(T+GT+TL)$		G
IV	Thuế giá trị gia tăng	$G \times T^{GTGT-XD}$		GTGT
	<i>Chi phí sửa chữa sau thuế</i>	$G + GTGT$		G_{BT}^{PDC}
B	Chi phí quản lý dự án			
C	Chi tư vấn sửa chữa			
4.1	Chi phí thiết kế sửa chữa			
4.2	Chi phí giám sát thi công			
...	...			
D	Chi phí khác			
5.1	Chi phí thâm định			
5.2	Chi phí bảo hiểm công trình			
5.3	Chi phí thẩm tra quyết toán			
5.4.	Chi phí kiểm toán quyết toán hoàn thành công trình			
5.5	Chi phí			
Đ	Chi phí dự phòng ($G_{DP1} +$			

	G_{DP2}			
6.1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh			
6.2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá			
	TỔNG CỘNG (A + B + C + D + Đ)			

II. Phương pháp xác định

1. Giá dịch vụ sự nghiệp công có tính chất sửa chữa có thể xác định theo từng nội dung chi phí hoặc tổng hợp các nội dung chi phí theo các phương pháp nêu tại các điểm a, b dưới đây:

a) Tính theo khối lượng và giá xây dựng công trình:

- Chi phí trực tiếp gồm: Chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy và thiết bị thi công được xác định trên cơ sở khối lượng các công việc xây dựng và giá xây dựng công trình được xác định theo khoản 2 mục này.

- Chi phí gián tiếp gồm chi phí chung, chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công, chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế, chi phí gián tiếp khác; được xác định bằng tỷ lệ (%) hoặc lập dự toán chi phí theo hướng dẫn tại các khoản 3, 4,5 mục này.

- Thu nhập chịu thuế tính trước được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp được hướng dẫn tại khoản 6 mục này.

- Thuế giá trị gia tăng theo quy định của Nhà nước.

- Khối lượng các công tác sửa chữa được đo bóc, tính toán từ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công và chỉ dẫn kỹ thuật, yêu cầu công việc phải thực hiện của công trình. Phương pháp đo bóc khối lượng công tác xây dựng thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Giá xây dựng công trình sử dụng để tính dự toán chi phí xây dựng có thể là giá xây dựng chi tiết hoặc giá xây dựng tổng hợp phù hợp với khối lượng công việc xây dựng được đo bóc, tính toán từ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công và chỉ dẫn kỹ thuật, yêu cầu công việc phải thực hiện của công trình. Nội dung và phương pháp xác định giá xây dựng công trình thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

b) Tính theo hao phí vật liệu, nhân công, máy và thiết bị thi công và giá của các yếu tố chi phí tương ứng:

- Chi phí vật liệu, nhân công, máy và thiết bị thi công trong chi phí trực tiếp xác định theo khối lượng vật liệu, nhân công, máy và thiết bị thi công và giá của các yếu tố chi phí này.

- Khối lượng các loại vật liệu, nhân công, máy và thiết bị thi công được xác định trên cơ sở khối lượng công tác xây dựng đo bóc từ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và định mức kinh tế kỹ thuật.

- Giá vật liệu xây dựng, nhân công, máy và thiết bị thi công xác định theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Chi phí gián tiếp, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng như hướng dẫn tại điểm a khoản này.

2. Chi phí trực tiếp

Chi phí trực tiếp gồm chi phí vật liệu (kể cả vật liệu do chủ đầu tư cấp), chi phí nhân công, chi phí máy và thiết bị thi công. Chi phí vật liệu, máy và thiết bị thi công được xác định theo cơ sở khối lượng và đơn giá xây dựng chi tiết của công trình được xác định theo các công thức sau:

$$VL = \sum_{j=1}^n Q_j \times D^{VL}_j$$

$$NC = \sum_{j=1}^n Q_j \times D^{nc}_j \times K_{nc}$$

$$M = \sum_{j=1}^n Q_j \times D^m_j \times K_m$$

Trong đó:

- Q_j là khối lượng công tác xây dựng thứ j ;
- D^{VL}_j , D^{nc}_j , D^m_j là chi phí vật liệu, nhân công, máy và thiết bị thi công trong đơn giá xây dựng chi tiết của công trình đối với công tác xây dựng thứ j .

- K_{nc} : hệ số nhân công làm đêm (nếu có) và được xác định như sau:

$K_{nc} = 1 +$ tỷ lệ khối lượng công việc phải làm đêm $\times 30\%$ (đơn giá nhân công của công việc làm việc vào ban đêm).

- K_m : hệ số máy thi công làm đêm (nếu có) và được xác định như sau:

$$K_m = 1 - g + g \times K_{nc}$$

Trong đó: g là tỷ lệ tiền lương bình quân trong giá ca máy.

Khối lượng công việc phải làm đêm được xác định theo yêu cầu tiến độ thực hiện dịch vụ sự nghiệp công và được chủ đầu tư thống nhất.

3. Chi phí chung (C)

3.1. Chi phí chung gồm

- Chi phí quản lý tại doanh nghiệp, là chi phí quản lý của doanh nghiệp phân bổ cho công trình, gồm các chi phí: lương cho ban điều hành; lương cho người lao động; chi trả trợ cấp mất việc; chi phí đóng bảo hiểm cho người lao động theo quy định; chi phí phúc lợi; chi phí bảo trì văn phòng và các phương tiện; chi phí tiện ích văn phòng; chi phí thông tin liên lạc và giao thông đi lại; chi phí sử dụng tiện ích điện, nước; chi phí nghiên cứu và phát triển; chi phí quảng cáo; chi phí xã hội; chi phí tặng, biếu, từ thiện; chi phí thuê đất, văn phòng và chỗ ở; chi phí khấu hao; khấu hao chi phí nghiên cứu thử nghiệm; khấu hao chi phí phát triển; thuế, lệ phí, phí theo quy định; bảo hiểm tổn thất; chi phí bảo đảm hợp đồng; các chi phí khác.

- Chi phí điều hành sản xuất tại công trường là toàn bộ chi phí cho bộ máy quản lý của doanh nghiệp tại công trường, gồm các chi phí: chi phí quản lý lao động; điện nước tại công trường, chi phí huấn luyện an toàn; lương và phụ cấp cho người lao động bao gồm lương và các loại phụ cấp cho cán bộ, nhân viên tại văn phòng hiện trường; v.v...

- Chi phí bảo hiểm của người lao động trực tiếp mà người sử dụng lao động phải nộp cho Nhà nước theo quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp).

3.2. Chi phí chung được xác định bằng định mức tỷ lệ (%) chi phí chung nhân với chi phí trực tiếp trong giá dịch vụ sự nghiệp công theo hướng dẫn tại Bảng 3.1.

Bảng 3.1: ĐỊNH MỨC CHI PHÍ CHUNG

Đơn vị tính: %

TT	Loại công tác	Chi phí trực tiếp của từng loại, từng nhóm công trình (tỷ đồng)				
		≤ 15	≤100	≤500	≤1000	>1000
	Bảo trì có tính chất sửa chữa kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	6,2	5,6	5,1	4,9	4,6

Trường hợp quy mô chi phí trực tiếp nằm trong khoảng quy mô chi phí tại Bảng 3.1 thì định mức tỷ lệ chi phí chung (K_c) được xác định bằng phương pháp nội suy theo công thức sau:

$$K_c = K_b - \frac{K_b - K_a}{G_a - G_b} x(G_t - G_b)$$

Trong đó:

- + G_t : chi phí trực tiếp trong dự toán đang cần xác định;
- + G_a : giá trị chi phí trực tiếp cận trên giá trị cần tính định mức;
- + G_b : giá trị chi phí trực tiếp cận dưới giá trị cần tính định mức;
- + K_a : Định mức tỷ lệ chi phí chung tương ứng với G_a ;
- + K_b : Định mức tỷ lệ chi phí chung tương ứng với G_b .

- Trường hợp dự án đầu tư xây dựng có nhiều loại công trình thì định mức tỷ lệ (%) chi phí chung trong dự toán xây dựng được xác định theo loại công trình tương ứng với chi phí trực tiếp của từng loại, từng nhóm công trình.

- Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng công trình phải tự tổ chức khai thác và sản xuất các loại vật liệu đất, đá, cát sỏi để phục vụ thi công xây dựng công trình thì chi phí chung tính trong dự toán xác định giá vật liệu bằng tỷ lệ 2,5% trên chi phí nhân công và chi phí máy thi công.

3.3. Đối với các công tác sửa chữa kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tại vùng núi, biên giới, hải đảo thì định mức tỷ lệ chi phí chung sẽ được điều chỉnh

với hệ số từ 1,05 đến 1,1 do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định giá quyết định tùy điều kiện cụ thể của dịch vụ công.

3.4. Định mức tỷ lệ % của chi phí chung tại điểm 3.2 và hệ số điều chỉnh tại điểm 3.3 mục này là mức tối đa.

4. Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công

Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên chi phí trực tiếp. Định mức tỷ lệ (%) chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công được xác định trên chi phí trực tiếp của từng loại, từng nhóm công trình trong giá dịch vụ sự nghiệp công theo hướng dẫn tại Bảng 3.2 biểu này này.

Bảng 3.2: ĐỊNH MỨC CHI PHÍ NHÀ TẠM ĐỂ Ở VÀ ĐIỀU HÀNH THI CÔNG

Đơn vị tính: %

TT	Loại công trình	Chi phí trực tiếp của từng loại, từng nhóm công trình (tỷ đồng)				
		≤ 15	≤ 100	≤ 500	≤ 1000	> 1000
1	Công trình sửa chữa theo tuyến	2,3	2,2	2,0	1,9	1,8
2	Công trình sửa chữa còn lại	1,2	1,1	1,0	0,95	0,9

5. Chi phí gián tiếp khác:

Trong trường hợp cần thiết, cần phải có chi phí để tổ chức đảm bảo giao thông, chi phí này được xác định bằng phương pháp lập dự toán theo quy định của pháp luật về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

6. Thu nhập chịu thuế tính trước (khoản lợi nhuận của doanh nghiệp xây dựng được dự tính trước trong dự toán xây dựng) được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp trong dự toán chi phí sửa chữa và tối đa bằng 6%.

- Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng công trình phải tự tổ chức khai thác và sản xuất các loại vật liệu đất, đá, cát sỏi để phục vụ thi công xây dựng công trình thì thu nhập chịu thuế tính trước tính trong dự toán xác định giá vật liệu bằng tỷ lệ 3% trên chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

7. Thuế suất thuế giá trị gia tăng: theo quy định hiện hành.

III. Cách xác định các chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn và các chi phí khác và chi phí dự phòng

1. Chi phí quản lý dự án gồm gồm các chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP là các chi phí cần thiết để tổ chức thực hiện các công việc quản lý dự án từ giai đoạn chuẩn bị dự án đến khi kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng được xác định theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 16/2019/TT-BXD.

2. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng gồm các chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP, là các chi phí cần thiết để thực hiện các công việc tư vấn đầu tư xây dựng ở các giai đoạn khác nhau theo trình tự đầu tư

xây dựng gồm: giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án và kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng được xác định trên cơ sở định mức do Bộ Xây dựng ban hành hoặc xác định bằng dự toán trên cơ sở phạm vi công việc tư vấn, khối lượng công việc phải thực hiện, kế hoạch thực hiện của gói thầu và các quy định về chế độ, chính sách do nhà nước ban hành. Cụ thể như sau:

- Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng, thực hiện khảo sát xây dựng, giám sát khảo sát xây dựng.

- Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng (nếu có), báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (nếu có), báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

- Thẩm tra thiết kế cơ sở, thiết kế công nghệ của dự án;

- Thẩm tra phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

- Thi tuyển thiết kế kiến trúc công trình xây dựng;

- Thiết kế xây dựng công trình;

- Thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, dự toán xây dựng;

- Lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất để lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng;

- Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng;

- Giám sát thi công xây dựng, giám sát lắp đặt thiết bị;

- Lập, thẩm tra định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng công trình;

- Thẩm tra an toàn giao thông;

- Ứng dụng hệ thống thông tin công trình (BIM) (nếu có);

- Tư vấn quản lý dự án (trường hợp thuê tư vấn);

- Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

- Kiểm tra chất lượng vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình theo yêu cầu của chủ đầu tư (nếu có);

- Kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình, toàn bộ công trình (nếu có);

- Giám sát, đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình (trường hợp thuê tư vấn);

- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Quy đổi vốn đầu tư xây dựng công trình sau khi hoàn thành được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng;

- Thực hiện các công việc tư vấn khác.

Riêng đối với chi phí khảo sát xây dựng gồm chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp, thu nhập chịu thuế tính trước, thuê giá trị gia tăng được xác định và quản lý như chi phí xây dựng trong dự toán xây dựng.

3. Chi phí khác trong dự toán xây dựng gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dự án xây dựng được xác định theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bằng định mức hoặc dự toán chi phí phù hợp với chế độ chính sách để thực hiện các công việc của dự án gồm các chi phí sau:

- Rà phá bom mìn, vật nổ;

- Bảo hiểm công trình (bắt buộc) trong thời gian xây dựng;

- Đăng kiểm chất lượng quốc tế, quan trắc biến dạng công trình (nếu có);

- Kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư;

- Kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng và khi nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (đối với trường hợp phải thuê chuyên gia cùng thực hiện);

- Nghiên cứu khoa học công nghệ liên quan đến dự án; vốn lưu động ban đầu đối với các dự án đầu tư xây dựng nhằm mục đích kinh doanh, lãi vay trong thời gian xây dựng; chi phí cho quá trình chạy thử không tải và có tải theo quy trình công nghệ trước khi bàn giao (sau khi trừ giá trị sản phẩm thu hồi được);

- Các khoản thuế tài nguyên, phí và lệ phí theo quy định;

- Các chi phí khác (nếu có).

Các chi phí này được xác định bằng định mức chi phí tỷ lệ phần trăm (%) hoặc lập dự toán theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng hoặc pháp luật có liên quan.

4. Chi phí dự phòng gồm chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh và chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá trong thời gian xây dựng công trình được xác định theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

5. Cơ quan, đơn vị được giao thực hiện các danh mục dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và vận hành khai thác bến phà trên quốc lộ căn cứ các quy định của pháp luật về giá, về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và các pháp luật có liên quan và tình hình thực tế để xác định các chi phí cần thiết để tổ chức xác định và quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công; đồng thời không vượt quá các định mức chi phí tối đa theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng và các quy định có liên quan.

Biểu số 04

**XÁC ĐỊNH GIÁ SẢN PHẨM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG KHẮC PHỤC
HẬU QUẢ THIÊN TAI, BẢO ĐẢM GIAO THÔNG BƯỚC 1 TRÊN HỆ
THỐNG QUỐC LỘ SỬ DỤNG NGUỒN KINH PHÍ NGÂN SÁCH
TRUNG ƯƠNG**

I. Kết cấu giá dịch vụ sự nghiệp công khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 được xác định tại bảng sau:

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
A	Giá dịch vụ sự nghiệp công khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1			
I	Chi phí trực tiếp	$VL+NC+M$		T
1	Chi phí vật liệu	$\sum_{j=1}^n Q_j \times D_j^{vl}$		VL
2	Chi phí nhân công	$\sum_{j=1}^m Q_j \times D_j^{nc} \times K_{nc}$		NC
3	Chi phí máy và thiết bị thi công	$\sum_{j=1}^h Q_j \times D_j^m \times K_m$		M
II	Chi phí gián tiếp	$C+LT+GTk$		GT
1	Chi phí chung	T x tỷ lệ		c
2	Chi phí nhà tạm và điều hành thi công	T x tỷ lệ		LT
3	Chi phí gián tiếp khác (đảm bảo ATGT)	Lập dự toán		GTk
III	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(T+GT) \times \text{tỷ lệ}$		TL
	<i>Chi phí xây dựng trước thuế</i>	$(T+GT+TL)$		G
IV	Thuế giá trị gia tăng	$G \times T^{GTGT-XD}$		GTGT
	<i>Chi phí xây dựng sau thuế</i>	$G + GTGT$		G_{XD}^{PDC}
B	Chi phí quản lý dự án			
C	Chi tư vấn xây dựng			
1	Chi phí thiết kế sửa chữa			
2	Chi phí giám sát thi công			
...	...			
D	Chi phí khác			
1	Chi phí thẩm định			
	...			
	TỔNG CỘNG (A + B + C + D)			

Đối với dịch vụ khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 có tính chất đơn giản như hút dọn vật cản, thu gom cây đổ, cột điện, đất, đá sứt, lở, trôi tràn ra mặt đường, rãnh, cống; vận chuyển đổ đi; khôi phục hệ thống báo hiệu đường bộ: không tính các chi phí nhà tạm, chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn.

II. Phương pháp xác định:

1. Hướng dẫn xác định chi phí trực tiếp

a) Chi phí trực tiếp gồm chi phí vật liệu (kể cả vật liệu do chủ đầu tư cấp), chi phí nhân công, chi phí máy và thiết bị thi công. Chi phí vật liệu, máy và thiết bị thi công được xác định theo cơ sở khối lượng và đơn giá xây dựng chi tiết của công trình được xác định theo các công thức sau:

$$VL = \sum_{j=1}^n Q_j \times D^{VL}_j$$

$$NC = \sum_{j=1}^n Q_j \times D^{nc}_j \times K_{nc}$$

$$M = \sum_{j=1}^n Q_j \times D^m_j \times K_m$$

Trong đó:

- Q_j là khối lượng công tác xây dựng thứ j ;
- D^{VL}_j , D^{nc}_j , D^m_j là chi phí vật liệu, nhân công, máy và thiết bị thi công trong đơn giá xây dựng chi tiết của công trình đối với công tác xây dựng thứ j .
- K_{nc} : hệ số nhân công làm đêm (nếu có) và được xác định như sau:

$K_{nc} = 1 +$ tỷ lệ khối lượng công việc phải làm đêm $\times 30\%$ (đơn giá nhân công của công việc làm việc vào ban đêm).

- K_m : hệ số máy thi công làm đêm (nếu có) và được xác định như sau:

$$K_m = 1 - g + g \times K_{nc}$$

Trong đó: g là tỷ lệ tiền lương bình quân trong giá ca máy.

Khối lượng công việc phải làm đêm được xác định theo yêu cầu tiến độ thực hiện dịch vụ sự nghiệp công và được chủ đầu tư thống nhất.

b) Khối lượng công việc để xác định giá: Được xác định trên cơ sở biên bản xác minh thiệt hại lập tại hiện trường với Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nói xảy ra thiệt hại; biên bản xác nhận khối lượng đã thực hiện kèm theo bản kê chi tiết; thực hiện cụ thể theo Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định Quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; các định mức bảo dưỡng thường xuyên và các định mức kinh tế kỹ thuật có liên quan;

2. Hướng dẫn xác định chi phí chung (C)

2.1. Chi phí chung gồm

- Chi phí quản lý tại doanh nghiệp, là chi phí quản lý của doanh nghiệp phân bổ cho công trình, gồm các chi phí: lương cho ban điều hành; lương cho người lao động; chi trả trợ cấp mất việc; chi phí đóng bảo hiểm cho người lao động theo quy định; chi phí phúc lợi; chi phí bảo trì văn phòng và các phương tiện; chi phí tiện ích văn phòng; chi phí thông tin liên lạc và giao thông đi lại; chi phí sử dụng tiện ích điện, nước; chi phí nghiên cứu và phát triển; chi phí quảng cáo; chi phí xã hội; chi phí tặng, biếu, từ thiện; chi phí thuê đất, văn phòng và chỗ ở; chi phí khấu hao; khấu hao chi phí nghiên cứu thử nghiệm; khấu hao chi phí phát triển; thuế, lệ phí, phí theo quy định; bảo hiểm tổn thất; chi phí bảo đảm hợp đồng; các chi phí khác.

- Chi phí điều hành sản xuất tại công trường là toàn bộ chi phí cho bộ máy quản lý của doanh nghiệp tại công trường, gồm các chi phí: chi phí quản lý lao động; điện nước tại công trường, chi phí huấn luyện an toàn; lương và phụ cấp cho người lao động bao gồm lương và các loại phụ cấp cho cán bộ, nhân viên tại văn phòng hiện trường; v.v...

- Chi phí bảo hiểm của người lao động trực tiếp mà người sử dụng lao động phải nộp cho Nhà nước theo quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp).

2.2. Chi phí chung được xác định bằng định mức tỷ lệ (%) chi phí chung nhân với chi phí trực tiếp trong giá dịch vụ sự nghiệp công theo hướng dẫn tại Bảng 2.1.

Bảng 2.1: ĐỊNH MỨC CHI PHÍ CHUNG

Đơn vị tính: %

TT	Loại công tác	Chi phí trực tiếp của từng loại, từng nhóm công trình (tỷ đồng)		
		≤ 10	≤ 15	≤ 100
	Khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1	6,2	5,6	5,1

Trường hợp quy mô chi phí trực tiếp nằm trong khoảng quy mô chi phí tại Bảng 2.1 thì định mức tỷ lệ chi phí chung (K_c) được xác định bằng phương pháp nội suy theo công thức sau:

$$K_c = K_b - \frac{K_b - K_a}{G_a - G_b} x(G_t - G_b)$$

Trong đó:

+ G_t : chi phí trực tiếp trong dự toán đang cần xác định;

- + G_a : giá trị chi phí trực tiếp cận trên giá trị cần tính định mức;
- + G_b : giá trị chi phí trực tiếp cận dưới giá trị cần tính định mức;
- + K_a : Định mức tỷ lệ chi phí chung tương ứng với G_a ;
- + K_b : Định mức tỷ lệ chi phí chung tương ứng với G_b .

- Trường hợp dự án đầu tư xây dựng có nhiều loại công trình thì định mức tỷ lệ (%) chi phí chung trong dự toán xây dựng được xác định theo loại công trình tương ứng với chi phí trực tiếp của từng loại, từng nhóm công trình.

- Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng công trình phải tự tổ chức khai thác và sản xuất các loại vật liệu đất, đá, cát sỏi để phục vụ thi công xây dựng công trình thì chi phí chung tính trong dự toán xác định giá vật liệu bằng tỷ lệ 2,5% trên chi phí nhân công và chi phí máy thi công.

2.3. Đối với các công tác sửa chữa kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tại vùng núi, biên giới, hải đảo thì định mức tỷ lệ chi phí chung sẽ được điều chỉnh với hệ số từ 1,05 đến 1,1 do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định giá quyết định tùy điều kiện cụ thể của dịch vụ công.

2.4. Định mức tỷ lệ % của chi phí chung tại điểm 2.2 và hệ số điều chỉnh tại điểm 3.3 mục này là mức tối đa.

3. Chi phí nhà tạm và điều hành thi công

Chi phí nhà tạm và điều hành thi công được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên chi phí trực tiếp. Định mức tỷ lệ (%) chi phí nhà tạm và điều hành thi công được xác định trên chi phí trực tiếp của từng loại, từng nhóm công trình trong giá dịch vụ sự nghiệp công theo hướng dẫn tại Bảng 2.2 biểu này này.

Bảng 2.2: ĐỊNH MỨC CHI PHÍ NHÀ TẠM VÀ ĐIỀU HÀNH THI CÔNG

Đơn vị tính: %

TT	Loại công trình	Chi phí trực tiếp trong giá sản phẩm dịch vụ công ích khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 (tỷ đồng)		
		≤ 10	≤ 15	≤ 100
1	Công trình sửa chữa theo tuyến	2,3	2,2	2,0
2	Công trình sửa chữa còn lại	1,2	1,1	1,0

4. Chi phí gián tiếp khác:

Trong trường hợp cần thiết, cần phải có chi phí để tổ chức đảm bảo giao thông, chi phí này được xác định bằng phương pháp lập dự toán theo quy định của pháp luật về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

5. Thu nhập chịu thuế tính trước (khoản lợi nhuận của doanh nghiệp xây dựng được dự tính trước trong dự toán xây dựng) được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp trong dự toán chi phí sửa chữa và tối đa bằng 6%.

- Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng công trình phải tự tổ chức khai thác và sản xuất các loại vật liệu đất, đá, cát sỏi để phục vụ thi công xây dựng công trình thì thu nhập chịu thuế tính trước tính trong dự toán xác định giá vật liệu bằng tỷ lệ 3% trên chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

6. Thuế suất thuế giá trị gia tăng: theo quy định hiện hành.

III. Cách xác định các chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn và chi phí khác

1. Các chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn và chi phí khác được xác định theo hướng dẫn tại mục III biểu số 3 Phụ lục này.

2. Cục Quản lý đường bộ, Ban Quản lý dự án trực thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải hoặc Sở Giao thông - Xây dựng đối với quốc lộ do Bộ Giao thông vận tải ủy quyền cho địa phương quản lý, bảo trì có trách nhiệm rà soát các chi phí cần thiết trong quá trình thực hiện để xác định giá dịch vụ sự nghiệp công.

Phụ lục II

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG VẬN HÀNH, KHAI THÁC BẾN PHÀ ĐƯỜNG BỘ TRÊN HỆ THỐNG QUỐC LỘ SỬ DỤNG NGUỒN KINH PHÍ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CÓ TÍNH CHẤT THƯỜNG XUYÊN (Theo Điều 9 Thông tư này)

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BGTVT ngày tháng năm
2020 của Bộ Giao thông vận tải)

I. Kết cấu và phương pháp xác định giá dịch vụ sự nghiệp công vận hành, khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ sử dụng nguồn kinh phí ngân sách Trung ương có tính chất thường xuyên được xác định theo hướng dẫn tại bảng sau đây:

TT	Nội dung	Cách tính	Ký hiệu
A	Giá sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công cho một chuyến phà		G
I	Chi phí trực tiếp	$VL+NC+M$	T
1	Chi phí vật liệu (nhiên liệu)	$\sum_{i=1}^n Q_j \times D^{VL}_j$	VL
2	Chi phí nhân công	$\sum_{i=1}^n Q_j \times D_j^{nc} \times K_{nc}$	NC
3	Chi phí máy và phương tiện	$\sum_{i=1}^n Q_j \times D_j^m \times K_m$	M
II	Chi phí gián tiếp	C	GT
1	Chi phí chung	T x tỷ lệ % hoặc lập dự toán	C
III	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(T+GT) \times 6 \%$	TL
	Chi phí xây dựng trước thuế	$(T+GT+TL)$	G_{TT}
IV	Thuế giá trị gia tăng	$G_{TT} \times TGTGT$	VAT
	Giá sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công một chuyến phà sau thuế	$G_{st} = G_{TT} + VAT$	G_{st}
B	Số lượng sản phẩm dịch vụ		SC
C	Chi phí quản lý, điều hành đảm bảo giao thông trong thời gian bến phà tạm dừng hoạt động có quyết định của cấp có thẩm quyền.	Theo phương pháp lập dự toán quy định tại Điều 5	TD
D	Tổng giá trị dịch vụ sự nghiệp công để đặt hàng, đấu thầu	$G \times SC+TD$	TG

II. Cách xác định giá dịch vụ sự nghiệp công:

1. Giá dịch vụ sự nghiệp công bao gồm công tác vận hành phà; công tác điều hành hoạt động ở hai đầu bến và công tác quản lý, điều hành phà trong thời gian dừng hoạt động.

- Công tác vận hành phà được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ Giao thông vận tải ban hành.

- Công tác quản lý, điều hành hoạt động ở hai đầu bến phà được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ Giao thông vận tải ban hành và phân bổ theo số chuyến phà dự kiến thực hiện.

- Công tác quản lý, điều hành phà trong thời gian dừng hoạt động được xác định bằng cách lập dự toán và giá trị được phân bổ theo số chuyến phà dự kiến thực hiện.

Tổng giá trị dịch vụ sự nghiệp công để đặt hàng, đấu thầu được xác định cho thời gian khai thác từng năm hoặc thời gian do cơ quan quản lý quyết định trên cơ sở các chi phí:

- a) Chi phí trực tiếp.
- b) Chi phí gián tiếp gồm chi phí chung.
- c) Thu nhập chịu thuế tính trước.
- d) Thuế giá trị gia tăng.
- đ) số chuyến phà dự kiến thực hiện.

2. Chi phí trực tiếp (T):

Chi phí trực tiếp gồm chi phí vật liệu (nhiên liệu), chi phí nhân công, chi phí máy và phương tiện dự kiến trong thời gian tính giá thực hiện dịch vụ sự nghiệp công. Chi phí vật liệu (nhiên liệu), nhân công, máy và phương tiện trong chi phí trực tiếp xác định theo khối lượng vật liệu, nhân công, máy và thiết bị thi công và giá của các yếu tố chi phí này.

- Khối lượng các loại vật liệu, nhân công, máy và thiết bị thi công được xác định trên cơ sở khối lượng cần thực hiện theo quy trình quản lý, vận hành khai thác bến phà và định mức kinh tế - kỹ thuật được Bộ Giao thông vận tải ban hành.

- Q_j là khối lượng công tác (loại phà) thứ j .

- D_j^{VL} , D_j^{NC} , D_j^M là chi phí vật liệu, nhân công, máy thi công trong đơn giá xây dựng chi tiết của công trình đối với công tác (loại phà) thứ j .

- Giá vật liệu (nhiên liệu), máy và thiết bị thi công xác định theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; giá nhân công được xác định theo hướng dẫn của Bộ Lao động, Thương binh - Xã hội, đối với nhân công làm ca đêm (nếu có) được xác định nhân công được tính hệ số nhân công làm đêm như sau:

K_{nc} : hệ số nhân công làm đêm (nếu có)

$K_{nc} = 1 +$ tỷ lệ khối lượng công việc phải làm đêm x 30% (đơn giá nhân công của công việc làm việc vào ban đêm).

Khối lượng công việc phải làm đêm được xác định theo yêu cầu thực hiện dịch vụ sự nghiệp công, yêu cầu của quy trình vận hành khai thác bến phà.

- K_m : hệ số máy thi công làm đêm (nếu có) và được xác định như sau:

$$K_m = 1 - g + g \times K_{nc}$$

Trong đó: g là tỷ lệ tiền lương bình quân trong giá ca máy.

3. Chi phí chung (C)

3.1. Chi phí chung gồm:

- Chi phí quản lý tại doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, là chi phí quản lý của doanh nghiệp phân bổ cho việc tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công, gồm các chi phí:

- Chi phí vật liệu cho công tác quản lý như văn phòng phẩm, vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ...

- Thuế, phí và lệ phí như: thuế môn bài, tiền thuê đất, VAT... và các khoản phí, lệ phí khác.

- Chi phí in vé, ấn chỉ phục vụ thu; chi phí bảo hiểm phương tiện và hành khách.

- Chi phí khác như: chi phí hội nghị, hội họp, công tác phí, tàu xe, trang bị đồng phục, bảo hộ lao động.....

- Chi đảm bảo an ninh trật tự 2 đầu bến.

- Chi phí cho nhân công cho khối lao động thuộc văn phòng quản lý bến đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

3.2. Chi phí chung được xác định bằng định mức tỷ lệ (%) cụ thể như sau:

a) Trường hợp đặt hàng cho đơn vị sự nghiệp công lập thì chi phí chung được xác định bằng tỷ lệ 66% nhân với chi phí nhân công quản lý, điều hành ở hai đầu bến;

b) Trường hợp đặt hàng, đấu thầu cho nhà cung cấp dịch vụ khác: Chi phí chung được xác định bằng tỷ lệ 6,2% nhân với chi phí trực tiếp trong giá dịch vụ sự nghiệp công.

4. Thu nhập chịu thuế tính trước (TL)

Thu nhập chịu thuế tính trước được xây dựng bảo đảm giá sản phẩm, dịch vụ công ích phù hợp với mặt bằng thị trường, trong phạm vi dự toán được giao và tối đa bằng 6% tổng chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp trong bảng kết cấu dự toán tại mục I Phụ lục này.

5. Thuế suất thuế giá trị gia tăng (VAT): Thực hiện theo quy định hiện hành.

6. Số chuyên phà dự kiến (SC)

Số chuyến phà dự kiến trong năm để xác định giá dịch vụ sự nghiệp công được xác định qua các tiêu chí như sau:

- Bình quân tỷ lệ tăng trưởng của ba năm trước liền kề năm dự toán.
- Đánh giá yếu tố gây ảnh hưởng đến số chuyến phà dự kiến như tiến độ đầu tư nâng cấp của tuyến quốc lộ có bến phà, hoặc tiến độ xây dựng các công trình cầu lân cận ảnh hưởng đến lưu lượng bến phà (nếu có).